

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 24553

Giờ: Ngày 20 tháng 7 năm 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338,623,630,077	167,958,907,231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	155,425,188,271	29,924,225,753
1. Tiền	111		55,235,188,271	2,090,260,945
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,190,000,000	27,833,964,808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62,934,487,016	78,238,397,909
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	68,822,741,136	83,204,606,453
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5,888,254,120)	(4,966,208,544)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118,802,176,971	57,053,794,391
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	8,960,204,884	5,533,353,975
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	50,246,738,848	50,322,820,675
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	59,595,233,239	1,197,619,741
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,461,777,819	2,742,489,178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		144,278,331	241,109,890
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	-	1,241,297,800
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1,317,499,488	1,260,081,488

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79,411,000,320	80,896,778,632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10,736,261,546	11,393,608,632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10,736,261,546	11,393,608,632
Nguyên giá	222		15,754,027,939	15,734,946,121
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,017,766,393)	(4,341,337,489)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		68,443,608,774	69,272,040,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	52,074,040,000	52,074,040,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	17,198,000,000	17,198,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(828,431,226)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		231,130,000	231,130,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	231,130,000	231,130,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		418,034,630,397	248,855,685,863

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		165,613,132,721	9,520,826,183
I. Nợ ngắn hạn	310		165,059,454,771	8,967,148,233
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.13	11,224,719,513	5,501,006,816
3. Người mua trả tiền trước	313		150,000,000,000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	91,898,137	36,695,277
5. Phải trả người lao động	315	V.15	459,170,987	484,091,183
6. Chi phí phải trả	316	V.16	856,277,777	40,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	269,385,788	474,716,088
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2,158,002,569	2,430,638,869
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		553,677,950	553,677,950
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	238,438,200	238,438,200
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		315,239,750	315,239,750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252,421,497,676	239,334,859,680
I. Vốn chủ sở hữu	410		252,421,497,676	239,334,859,680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	115,500,000,000	115,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	108,248,900,000	108,248,900,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.20	(8,051,048,088)	(16,904,100,720)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.20	5,756,899,134	5,756,899,134
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	5,756,899,134	5,756,899,134
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	25,209,847,496	20,976,262,132
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		418,034,630,397	248,855,685,863

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		90,730,000	90,730,000
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Bùi Xuân Trường
Người lập bảng**Trần Anh Phương**
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Quý 2.2012	Quý 2.2011	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10,597,006,766	7,941,174,670	19,106,615,625	17,512,631,581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10,597,006,766	7,941,174,670	19,106,615,625	17,512,631,581
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	10,007,127,185	7,445,884,937	17,957,009,566	16,568,043,248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		589,879,581	495,289,733	1,149,606,059	944,588,333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	19,601,099,395	2,355,788,788	25,338,801,097	17,036,716,689
7. Chi phí tài chính		6,114,284,312	2,464,022,657	6,315,408,347	8,999,540,451
Trong đó: chi phí lãi vay				-	-
8. Chi phí bán hàng	VI.4		(38,025,000)	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	816,208,883	1,874,632,010	4,117,253,781	3,552,607,783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13,260,485,781	(1,449,551,146)	16,055,745,028	5,429,156,788
11. Thu nhập khác	VI.6	-	766,632,422	-	778,684,422
12. Chi phí khác	VI.7	(139,200)	(2)	-	-
13. Lợi nhuận khác		139,200	766,632,424	-	778,684,422
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VIII.5	13,260,624,981	(682,918,722)	16,055,745,028	6,207,841,210
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	894,379,652	-	1,272,159,664	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12,366,245,329</u>	<u>(682,918,722)</u>	<u>14,783,585,364</u>	<u>6,207,841,210</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	-	-	-	-


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012


Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,055,745,028	6,207,841,210
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	676,428,904	717,743,434
- Các khoản dự phòng	03	V.3	1,750,476,802	213,953,075
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(13,655,320,000)	(16,997,250,503)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	108,886,354	967,729,167
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,936,217,088	(8,889,983,617)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60,498,415,221)	(16,733,103,849)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		154,892,527,174	3,540,942,217
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.20, VI.4	(108,108,576)	(1,977,670,833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	500,273,200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(877,471,652)	(797,714,411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		98,344,748,813	(24,357,257,293)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19,081,818)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	80,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		14,612,865,317	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,259,377,574	12,677,250,503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28,853,161,073	92,677,250,503

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.24	8,853,052,632	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.15	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,550,000,000)	(15,825,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,696,947,368)	(15,825,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		125,500,962,518	52,494,993,210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29,924,225,753	19,875,523,577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	155,425,188,271	72,370,516,787

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Bùi Xuân Tường
Người lập bảngTrần Anh Phượng
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 9 nhân viên đang làm việc. Trong kỳ không có biến động nhân viên.
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu dịch vụ vệ sinh giảm đi đáng kể so với năm 2009 là do từ tháng 3 năm 2010 Công ty đã chuyển giao hoạt động kinh doanh dịch vụ vệ sinh cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

5. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ của Công ty với tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế không vượt quá 5% và được trích đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	155.925.074	30.456.570
Tiền gửi ngân hàng	55.079.263.197	2.059.813.375
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	100.190.000.000	27.833.955.808
Cộng	155.425.188.271	29.924.225.753

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				45.474.361.453
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	250.000	10.111.201.015	191.660	8.014.494.050
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	620.000	18.464.649.488	131.000	2.922.969.278
- Công ty cổ phần địa ốc An Lạc (*)	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
- Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (*)	92.400	3.500.000.000	92.400	3.500.000.000
- Công ty cổ phần Đại Nam (*)	47.000	4.700.000.000	47.000	4.700.000.000
- Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang	-	-	-	-
- Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương	18.000	760.773.501	420.000	8.232.584.725
- Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh	500.000	15.383.480.728	155.000	4.445.056.184
- Công ty cổ phần chế biến hàng XK Long An	150.000	2.256.746.982	-	-
- Công ty cổ phần Long Hậu	102.000	4.645.889.422	102.200	4.658.257.216
- Công ty cổ phần sữa Việt Nam	-	-	-	-
Hợp tác kinh doanh ngắn hạn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	-	37.731.245.000
Cộng		68.822.741.136		83.204.606.453

(*) Cổ phiếu các công ty chưa niêm yết.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre:
 - Tăng do mua 65.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.375.202.924 VND.
 - Giảm do bán 6.660 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 278.495.959 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang:
 - Tăng do mua 1.584.930 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 43.701.485.514 VND.
 - Giảm do bán 1.095.930 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 28.159.805.304 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương:
 - Tăng do mua 468.410 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 12.402.549.582 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giảm do bán 870.410 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 19.874.360.806 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh:
 - Tăng do mua 379.310 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 11.982.948.060 VND.
 - Giảm do bán 34.310 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.044.523.516 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An:
 - Tăng do mua 403.500 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 6.203.263.764 VND.
 - Giảm do bán 253.500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.946.516.782 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Long Hậu:
 - Tăng do mua 100 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.296.588 VND.
 - Giảm do bán 300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 13.664.382 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	4.966.208.544
Trích lập dự phòng bổ sung	922.045.576
Số cuối kỳ	5.888.254.120

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng phục vụ dịch vụ vệ sinh	5.972.730.665	3.689.729.647
Khách hàng phục vụ dịch vụ khác	437.474.219	378.114.328
Công ty TNHH MTV DV Xuyên Thái Bình	267.132.492	265.179.182
Công ty cổ phần thương mại Pan	52.593.041	76.898.992
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	117.748.686	36.036.154
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (giao dịch tiền bán cổ phiếu chưa về tài khoản)	2.550.000.000	1.465.510.000
Cộng	8.960.204.884	5.533.353.975

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CTCP CK Sài Gòn (trả trước tiền mua cổ phiếu) (*)	50.100.000.000	50.100.000.000
Nhà cung cấp khác	146.738.848	222.820.675
Cộng	50.246.738.848	50.322.820.675

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hợp tác với CTCP CK Sài Gòn	-	367.211.321
Lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi	756.164.384	66.668.420
CTCP thương mại Pan - cổ tức được chia	1.440.000.000	720.000.000
Cty TNHH Liên Thái Bình - cổ tức	1.000.000.000	-
Cty MTV DV Xuyên Thái Bình - cổ tức & khác	1.178.130.000	-
Phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác	54.995.353.363	-
Phải thu khác	225.585.492	43.740.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Cộng	59.595.233.239	1.197.619.741		
7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân nộp thừa.				
8. Tài sản ngắn hạn khác				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tạm ứng	18.341.488	426.941.488		
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.299.158.000	833.140.000		
Cộng	1.317.499.488	1.260.081.488		
9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.714.008.885	1.660.440.540	360.496.696	15.734.946.121
Tăng trong năm			19.081.818	19.081.818
Số cuối kỳ	13.714.008.885	1.660.440.540	379.578.514	15.754.027.939
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	386.370.000	12.614.546	398.984.546
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.058.413.823	975.270.141	307.653.525	4.341.337.489
Khấu hao trong năm	586.803.495	64.407.612	25.217.797	676.428.904
Số cuối kỳ	3.645.217.318	1.039.677.753	332.871.322	5.017.766.393
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.655.595.062	685.170.399	52.843.171	11.393.608.632
Số cuối kỳ	10.068.791.567	620.762.787	46.707.192	10.736.261.546
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-
10. Đầu tư vào công ty con				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Liên Thái Bình ^(a)		22.274.040.000		22.274.040.000
Công ty cổ phần thương mại Pan ^(b)	480.000	4.800.000.000	480.000	4.800.000.000
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình ^(c)		25.000.000.000		25.000.000.000
Cộng		52.074.040.000		52.074.040.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104004961 ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 ngày 26 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp. Vốn điều lệ Công ty TNHH Liên Thái Bình là 10.000.000.000 VND, Công ty đã sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 ngày 12 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại Pan 8.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.800.000.000 VND, tương đương 48% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại Pan là 3.200.000.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309493985 ngày 24 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

11. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản chứng khoán Sài Gòn	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần Việt Tín	4.968	4.698.000.000	4.968	4.698.000.000
Công ty cổ phần cơ điện môi trường Lilama	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Cộng		17.198.000.000		17.198.000.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	828.431.226
Số cuối kỳ	828.431.226

12. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đặt cọc cho thuê nhà làm văn phòng	79.200.000	79.200.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	151.930.000	151.930.000
Cộng	231.130.000	231.130.000

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CTCP CK Sài Gòn (công nợ chứng khoán)	-	413.348.046
CTCP CK Sài Gòn (phí tư vấn đầu tư)	1.000.000.000	-
Cty MTV DV Xuyền Thái Bình - DV vệ sinh	9.970.601.384	4.826.117.377
Các nhà cung cấp khác	254.188.129	261.541.393
Cộng	11.224.719.513	5.501.006.816

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.583.732	6.583.732	-
Thuế thu nhập DN (*)	(1.241.297.800)	1.272.159.664	-	30.861.864
Thuế thu nhập cá nhân	36.695.277	315.935.411	291.594.415	61.036.273
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	(1.204.602.523)	1.598.678.807	302.178.147	91.898.137

- (*) Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất	:	0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.055.745.028	9.229.275.792
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.688.213.626	1.270.125
- Các khoản điều chỉnh giảm	13.655.320.000	(14.502.915.000)
Thu nhập chịu thuế	5.088.638.654	(5.272.369.083)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.272.159.664	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 3 và trích trước tiền lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CTCP CK Sài Gòn – Lãi trả chậm tạm tính	777.778	-
CTCP CK Sài Gòn – Phí tư vấn tạm tính	800.000.000	-
Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn (A&C)	55.499.999	40.000.000
Cộng	856.277.777	40.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	104.443.529	103.684.529
Bảo hiểm xã hội	75.941.320	137.886.820
Bảo hiểm thất nghiệp	61.794.674	56.934.674
Cty TNHH MTV DV Xuyên Thái Bình (khách hàng thanh toán nhầm)	24.136.200	22.330.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.940.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	152.750.000
Phải trả, phải nộp khác	1.130.065	1.130.065
Cộng	269.385.788	474.716.088

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS

Số đầu năm	2.430.638.869
Chi quỹ	272.636.300
Số cuối kỳ	2.158.002.569

19. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (1.500 VND/cổ phiếu/15% mệnh giá)	10.550.000.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	10.550.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.550.000	10.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	17.961.931.593	16.568.043.248
Doanh thu cho thuê	1.141.384.032	944.588.333
Doanh thu phí giám sát	-	-
Doanh thu khác	3.300.000	-
Cộng	19.106.615.625	17.512.631.581

Xem thêm về nguyên nhân tăng/giảm doanh thu tại thuyết minh số VIII.5.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của dịch vụ cung cấp. Chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	73.177.973	-
Chi nhân công trực tiếp	-	-
Chi phí sản xuất chung	17.883.831.593	16.568.043.248
Cộng	17.957.009.566	16.568.043.248

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.770.457.733	2.994.766.450
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	92.184.035	39.466.186
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.655.320.000	13.079.345.000
Lãi hoạt động đầu tư tài chính	4.820.839.329	923.139.053
Cộng	25.338.801.097	17.036.716.689

Xem thêm về nguyên nhân tăng/giảm doanh thu tài chính tại thuyết minh số VIII.5.

4. Chi phí tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	108.886.354	967.729.167
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	4.456.045.191	202.201.683
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	7.615.656.526
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.750.476.802	213.953.075
Cộng	6.315.408.347	8.999.540.451

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.827.369.527	1.591.890.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.000.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	676.428.904	717.743.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.149.221.399	1.093.787.322
Chi phí khác	464.233.951	117.186.100
Cộng	4.117.253.781	3.522.607.783

Xem thêm về nguyên nhân tăng/giảm chi phí tại thuyết minh số VIII.5.

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập từ bán vật tư, công cụ dụng cụ	-	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	767.666.026
Thu nhập khác	-	11.018.396
Cộng	-	778.684.422

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Giá trị vật tư, công cụ thanh lý	-	-
Phạt chậm nộp thuế	-	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.000.927
Chi phí nhân công	1.827.369.527	1.591.890.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	676.428.904	717.743.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.149.221.399	17.706.291.891
Chi phí khác	464.233.951	72.724.779
Cộng	4.117.253.781	20.120.651.031

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền tệ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.2 đến VIII.4 dưới đây.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày lập báo cáo.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong Quý, Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 355.761.031 VND (cùng kỳ năm trước 321.841.255 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương các loại	1.444.844.000	1.190.010.000
Tiền thưởng	84.000.000	20.000.000
Cộng	1.528.844.000	1.210.010.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Xuyên Thái Bình	Công ty con
Công ty cổ phần thương mại Pan	Công ty con
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	Bà Hà Thị Thanh Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Liên Thái Bình		
Cổ tức	2.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Xuyên Thái Bình		
Phí dịch vụ vệ sinh	17.883.831.593	16.568.043.248
Phí dịch vụ quản lý khác	-	39.049.069
Cho thuê xe và văn phòng, phí dịch vụ	737.053.712	575.970.000
Cổ tức	7.800.000.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại Pan		
Cho thuê xe và văn phòng	140.108.820	134.316.000
Điện nước thu hộ	-	5.073.704
Cổ tức	720.000.000	720.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn		
Thu gốc, lãi trái phiếu	-	800.000.000
Cho thuê văn phòng	267.521.500	190.179.560
Lãi vay trả chậm hợp đồng mua cổ phiếu	13.072.222	967.729.167
Trả trước tiền mua cổ phiếu	-	25.000.000.000
Chi hợp tác kinh doanh ngắn hạn	23.497.046.875	15.074.561.250
Nhận trước tiền bán chứng khoán	150.000.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh ngắn hạn	306.490.864	123.139.053
Phí tư vấn đầu tư, môi giới	3.387.500.000	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán	55.804.072.674	-
Trả tiền ứng trước tiền bán chứng khoán	55.954.072.674	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV DV Xuyên Thái Bình		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu phí dịch vụ cho thuê	267.132.492	265.179.182
Cổ tức phải thu	1.000.000.000	-
Phải thu do khách hàng trả nhằm tài khoản	187.130.000	-

Công ty TNHH Liên Thái Bình

Cổ tức phải thu	1.000.000.000	-
-----------------	---------------	---

Công ty cổ phần thương mại Pan

Cổ tức phải thu	1.140.000.000	720.000.000
Phải thu tiền cho thuê	52.593.041	76.898.992

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn

Trả trước tiền mua cổ phiếu	50.100.000.000	50.100.000.000
Phải thu tiền dịch vụ cho thuê	117.748.686	36.036.154
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác (dự thu)	-	367.211.321
Công nợ bán chứng khoán qua tài khoản	2.550.000.000	
Cộng nợ phải thu	56.414.604.219	51.565.325.649

Công ty TNHH một thành viên Xuyền Thái Bình

Phải trả phí dịch vụ vệ sinh	9.970.601.384	4.826.117.377
Phải trả do khách hàng thanh toán nhằm	24.136.200	22.330.000
Phải trả khoản nhận ký cược thuê văn phòng	189.189.000	189.189.000

Công ty cổ phần thương mại Pan

Phải trả khoản nhận ký cược thuê văn phòng	49.249.200	49.249.200
--	------------	------------

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn

Lãi vay phải trả	777.778	2.750.000
Phải trả do ứng trước tiền bán chứng khoán	-	150.000.000
Phí tư vấn phải trả	1.800.000.000	-
Phải trả hợp đồng đặt cọc	150.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	162.033.953.562	5.239.635.577

4. Thuê hoạt động**Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	499.872.000	499.872.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.999.488.000	1.999.488.000
Trên 05 năm	11.261.952.000	11.761.824.000
Cộng	13.761.312.000	14.261.184.000

5. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2012 so Quý II năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết, Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

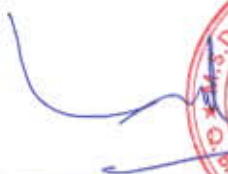
Lợi nhuận trước thuế Quý II năm 2012 là 13.260 triệu, tăng 2.044% so với số lỗ 682 triệu cùng kỳ năm 2011. Do các nguyên nhân sau đây:

- Doanh thu trong kỳ tăng 2.656 triệu so cùng kỳ năm 2011 là do hoạt động dịch vụ vệ sinh được phát triển, nhưng do hoạt động vệ sinh đã chuyển giao cho công ty con nên đóng góp vào lợi nhuận trước thuế là 589 triệu, tăng 18% so với 495 triệu cùng kỳ năm 2011.
- Hoạt động tài chính đóng góp vào lợi nhuận trước thuế là 13.487 triệu. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh, đạt 19.601 triệu, tức tăng 17.246 triệu so số 2.355 triệu cùng kỳ năm 2011; chi phí hoạt động tài chính là 6.114 triệu, tăng 3.650 triệu so số 2.464 triệu cùng kỳ năm 2011. Hoạt động tài chính các mảng đầu tư ngắn hạn, dài hạn và quản lý dòng tiền đều diễn biến thuận lợi và cho kết quả tốt hơn so năm 2011. Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận trước thuế Quý 2/2012 và sáu tháng đầu 2012 đều tăng mạnh so cùng kỳ năm 2011.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1.058 triệu so số 1.874 triệu cùng kỳ năm 2011, là do hoàn nhập các khoản đã tạm trích trước vào chi phí Quý 1/2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Bùi Xuân Tường
Người lập biểu



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	27,571,986,340	245,930,583,888
Lợi nhuận trong năm						9,229,275,792	9,229,275,792
Trích lập các quỹ trong năm							-
Chia cổ tức trong năm						(15,825,000,000)	(15,825,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành							-
Số dư cuối năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	20,976,262,132	239,334,859,680
Số dư đầu năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	20,976,262,132	239,334,859,680
Lợi nhuận trong năm						14,783,585,364	14,783,585,364
Trích lập các quỹ trong năm							-
Tăng vốn từ thặng dư							-
Phát hành cổ phiếu							-
Chi phí phát hành cổ phiếu							-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	8,853,052,632	-	-	-	8,853,052,632
Chia cổ tức trong năm						(10,550,000,000)	(10,550,000,000)
Số dư cuối năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(8,051,048,088)	5,756,899,134	5,756,899,134	25,209,847,496	252,421,497,676


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012


Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Bắc	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19,106,615,625	-	-	-	19,106,615,625
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19,106,615,625	-	-	-	19,106,615,625
Chi phí bộ phận	(17,957,009,566)	-	-	-	(17,957,009,566)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1,149,606,059	-	-	-	1,149,606,059
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4,117,253,781)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(2,967,647,722)
Doanh thu hoạt động tài chính					25,338,801,097
Chi phí tài chính					(6,315,408,347)
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1,272,159,664)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					14,783,585,364
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	19,081,818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	676,428,904
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Bắc	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17,512,631,581			-	17,512,631,581
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,512,631,581	-	-	-	17,512,631,581
Chi phí bộ phận	(16,568,043,248)			-	(16,568,043,248)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	944,588,333	-	-	-	944,588,333
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(3,552,607,783)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(2,608,019,450)
Doanh thu hoạt động tài chính					17,036,716,689
Chi phí tài chính					(8,999,540,451)
Thu nhập khác					778,684,422
Chi phí khác					-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6,207,841,210
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	717,743,434
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2012


 Nguyễn Văn Khải
 Tổng Giám đốc